

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Phước An, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Phước An năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch số 469-KH/TU (gọi tắt là Kế hoạch số 92/KHUBND);

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 16/01/2026 của Ban chỉ đạo phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (gọi tắt là Kế hoạch số 03-KH/BCĐ);

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Phước An ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW theo yêu cầu 6 rõ: **“rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”**; bảo đảm việc thực hiện bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, Kế hoạch số 92/KH-UBND và các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã.

- Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần đổi mới và sáng tạo của các cán bộ, công chức, các ban, ngành, đoàn thể, các ban điều hành ấp và cộng đồng hộ

kinh doanh, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã trong suốt quá trình tổ chức thực hiện.

- Xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của xã; bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa các nhiệm vụ mang tính nền tảng, thường xuyên (hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng) với các nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Phước An. Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành. Bảo đảm phân công rõ ràng về trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện; nâng cao tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kết quả triển khai làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định. Đồng thời, chú trọng phòng, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu đề xuất chủ trương, xây dựng danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Bảo đảm 100% nhiệm vụ Tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh; thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được cập nhật đầy đủ, kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Năm 2026 là năm tăng tốc, tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã. Tập trung triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đóng góp thực chất, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, tăng cường chuyển giao, làm chủ công nghệ, nhất là trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến nông lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, logistics và kinh tế tầm thấp.

- Tổ chức triển khai, kết nối, tích hợp và khai thác hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu (CSDL) tỉnh, CSDL dùng chung của sở, ngành theo danh mục đã ban hành; bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông, chia sẻ dữ liệu và dịch vụ số giữa các ngành, lĩnh vực, phục vụ hiệu quả

công tác quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu số và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng, phát triển thí điểm mô hình chuyển đổi số toàn diện, đô thị thông minh cấp xã; vận hành ổn định Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

| STT | Nội dung chỉ tiêu phấn đấu đạt được đến cuối năm 2026 (54 chỉ tiêu) | Đơn vị tính/đo lường | Kết quả | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|--|----------------------|---------|--|
| I | Về phát triển hạ tầng (02) | | | |
| 1 | Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn | % | ≥ 60% | Phòng VHXXH |
| 2 | Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s | % | ≥ 70% | Phòng VHXXH |
| II | Về Phát triển nguồn lực (04) | | | |
| 1 | Tỉ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản. | % | 100% | Phòng VHXXH và các cơ quan |
| 2 | Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. | % | 100% | Phòng VHXXH |
| 3 | Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số. | % | 100% | Phòng VHXXH, các Trường học trên địa bàn |
| 4 | Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số | % | ≥ 90% | Phòng VHXXH, |

| | | | | |
|------------|---|--------------------------|-------------|--|
| | trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông | | | trạm Y Tế và Tổ công nghệ số cộng đồng |
| III | Về Phát triển khoa học, công nghệ (01) | | | |
| 1 | Triển khai Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân | Ứng dụng được triển khai | Có | Phòng VHXH |
| IV | Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (03) | | | |
| 1 | Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp | % | $\geq 10\%$ | Phòng VHXH |
| 2 | Bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo. | Bài báo | ≥ 2 | Phòng VHXH |
| 3 | Sáng kiến trong lĩnh vực công (Cải cách hành chính, chuyển đổi số) tại cơ quan UBND xã được cấp trên công nhận. | Sáng kiến | ≥ 1 | Phòng VHXH |
| V | Về phát triển chuyển đổi số | | | |
| 1 | Chỉ số Chuyển đổi số cấp xã | Chỉ số | ≥ 0.8 | Phòng VHXH |
| 2 | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền | % | 90% | Trung tâm PVHCC |
| 3 | Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến | % | 100% | Trung tâm PVHCC |
| 4 | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” | % | 100% | Trung tâm PVHCC |
| 5 | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa | % | 100% | Trung tâm PVHCC |

| | | | | |
|----|--|---|-------------|-------------------|
| 6 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện 100%. | % | 100% | Trung tâm PVHCC |
| 7 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến | % | 95% | Trung tâm PVHCC |
| 8 | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp | % | $\geq 80\%$ | Trung tâm PVHCC |
| 9 | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử | % | $\geq 90\%$ | Trung tâm PVHCC |
| 10 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công | % | $\geq 80\%$ | Trung tâm PVHCC |
| 11 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công | % | $\geq 80\%$ | Trung tâm PVHCC |
| 12 | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước | % | 100% | Phòng VHXH |
| 13 | Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử | % | 100% | VP HĐND-UBND xã |
| 14 | Tỷ lệ các Phòng, ban thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử | % | 100% | VP HĐND - UBND xã |
| 15 | Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt | % | $\geq 80\%$ | Phòng VHXH |
| 16 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của xã được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây | % | 100% | Phòng VHXH |
| 17 | Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa & liên thông với Tỉnh | % | $\geq 60\%$ | Phòng VHXH |
| 18 | Tỷ lệ dữ liệu của các cơ quan, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu tỉnh | % | $\geq 85\%$ | Phòng VHXH |

| | | | | |
|----|--|---|--------|------------------------------|
| | (LGSP) | | | |
| 19 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số | % | ≥ 60% | Phòng VHXH |
| 20 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) | % | ≥ 80% | Công an xã |
| 21 | Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số | % | ≥ 50% | Phòng VHXH |
| 22 | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất | % | ≥ 90% | Phòng VHXH |
| 23 | Quy mô kinh tế số/GRDP | % | 15-17% | Phòng KT |
| 24 | Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị | % | 100% | Phòng VHXH |
| 25 | Triển khai kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành | % | 80% | Phòng VHXH |
| 26 | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác | % | ≥ 95% | Chi nhánh Ngân hàng nhà nước |
| 27 | Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử | % | ≥ 95% | Phòng VHXH |
| 28 | Tỷ lệ người dân được định danh số | % | 100% | Công an xã |
| 29 | Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch | % | 100% | Phòng VHXH |
| 30 | Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | % | 100% | Công an xã |

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Trong thời gian tới, xã tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và các chương trình, kế

hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo tỉnh, Tổ Giúp việc và Chương trình hành động của tỉnh, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Trên cơ sở đó, xã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, như sau:

1. Về cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai các chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ; chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tham gia vào hệ sinh thái nghiên cứu và phát triển (R&D) khoa học và công nghệ của tỉnh theo mô hình liên kết “3 nhà”.

- Triển khai các Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ trọng điểm; các dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; các dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

- Triển khai các Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn xã.

2. Về xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch lớn của xã

- Triển khai, xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về đột phá “Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả”.

- Phối hợp triển khai các Đề án thí điểm triển khai kinh tế tầm thấp của tỉnh Đồng Nai trên địa bàn xã.

- Triển khai các Đề án số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ của tỉnh.

- Triển khai thí điểm nền tảng quản lý thôn/ấp/khu phố.

- Triển khai Kế hoạch ứng dụng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo trí tuệ nhân tạo (AI) trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai năm 2026 và Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

- Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh và mạng xã hội.

(Kèm theo phụ lục nhiệm vụ triển khai).

III- GIẢI PHÁP

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch hành động số 07-KH/ĐU ngày 28/08/2025 của Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã về triển khai Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 15/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng thời xây dựng kế hoạch chi tiết đến từng đầu việc, phân công cán bộ phụ trách, xác định tiến độ và kết quả đầu ra.

- Tất cả hoạt động chỉ đạo, điều hành đều dựa trên kế hoạch, văn bản triển khai và báo tiến độ. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về độ chính xác và đầy đủ của kế hoạch, văn bản triển khai và báo tiến độ.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN, ĐMST và CDS; Nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện Chuyển đổi số, Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN, ĐMST và CDS

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thu hút doanh nghiệp công nghệ, phát triển hệ sinh thái R&D (Nguyên cứu và phát triển) theo mô hình liên kết “3 nhà: Nhà nước, cơ sở nghiên cứu - đào tạo và doanh nghiệp”.

- Áp dụng cơ chế đặc thù trong đầu tư công và mua sắm sản phẩm, dịch vụ số.

- Cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số; sử dụng giấy tờ số trên tài khoản định danh thay thế giấy tờ bản giấy.

b) Chuyển đổi số

- Tái cấu trúc dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm nguyên tắc “khai một lần - dùng nhiều lần”.

- Gắn mã định danh cá nhân/tổ chức với toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan.

- Số hóa nghiêm túc, nhất quán; dữ liệu tuân thủ nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

- Bồi dưỡng kỹ năng số thực chất cho cán bộ và người dân; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tháo gỡ vướng mắc trong đầu tư CNTT sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 04/2025/NQ-CP ngày 20/8/2025 của Chính phủ.

- Phối hợp với Công an tỉnh phê duyệt cấp độ ATTT.

- Triển khai thống nhất giải pháp bảo mật mạng Mật/Tối Mật theo hướng dùng chung toàn hệ thống chính trị.

c) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Triển khai Kế hoạch R&D và hỗ trợ nhân lực khoa học và công nghệ thông qua Quỹ của tỉnh và quỹ R&D doanh nghiệp.

- Triển khai chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài phục vụ KH&CN, ĐMST và CDS đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, ban ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện, hoàn thành trước ngày **31/3/2026**; bảo đảm xác định rõ nội dung công việc, lộ trình thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; gắn kết quả chỉ đạo, điều hành với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu theo quy định.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị gửi Phòng Văn hóa – Xã hội tổng hợp trước ngày 20 hằng tháng.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ động tổng hợp tình hình, kịp thời tham mưu UBND xã xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Đảng ủy xã và các cơ quan liên quan trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh. Bảo đảm thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã được cập nhật đầy đủ, kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực, ý chí quyết tâm của các cơ quan, ngành, đơn vị phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị; báo cáo UBND xã trước ngày 25 hằng tháng, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị các nội dung cần chỉ đạo để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu kinh phí đưa vào kế hoạch đầu tư hằng năm, thực hiện dự

án đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển các chương trình dự án (nếu có) thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế trên địa bàn

Tập trung đổi mới, ứng dụng, chuyển giao, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng, sức cạnh tranh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Phước An năm 2026. UBND xã yêu cầu các cơ quan, ban ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Đảng ủy xã, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chánh, Phó chánh VP.HĐND-UBND xã;
- Công an xã;
- Ban Chỉ huy quân sự xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Đức